

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE - CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/MOBIFONE-KSV
V/v Báo cáo giám sát tài chính 6 tháng
đầu năm 2019 của MobiFone

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2019



Kính gửi: Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, trên cơ sở nghiên cứu báo cáo của Tổng công ty Viễn thông MobiFone tại văn bản số 3665/MOBIFONE-TC ngày 30/7/2019, Kiểm soát viên MobiFone báo cáo Ủy ban về giám sát tài chính 6 tháng đầu năm 2019 của MobiFone như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CTY MẸ

Đơn vị tính: Triệu VND

CHỈ TIÊU	6T 2019	Số đầu kỳ
TÀI SẢN NGẮN HẠN	16.112.713	17.297.194
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.744.555	3.161.893
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	11.678.000	11.529.347
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.738.702	1.736.326
Hàng tồn kho	179.793	202.041
Tài sản ngắn hạn khác	771.663	667.587
TÀI SẢN DÀI HẠN	13.068.982	13.161.037
Các khoản phải thu dài hạn	933	968
Tài sản cố định	11.891.820	12.057.159
Tài sản dở dang dài hạn	814.196	710.054
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	199.013	247.575
1. Đầu tư vào công ty con	198.947	198.947
2. Đầu tư vào các công cụ vốn	67	47
Tài sản dài hạn khác	163.020	145.281
TỔNG TÀI SẢN	29.181.694	30.458.231
NỢ PHẢI TRẢ	8.950.095	11.011.305
Nợ ngắn hạn	7.638.192	9.390.596
Nợ dài hạn	1.311.903	1.620.709
VỐN CHỦ SỞ HỮU (Mã 400)	20.231.599	19.446.926
Vốn chủ sở hữu (Mã 410)	20.231.599	19.446.926
Trong đó: Vốn góp của chủ sở hữu (Mã 411)	15.000.000	15.000.000

Nguồn kinh phí và quỹ khác	0	0
TỔNG NGUỒN VỐN	29.181.694	30.458.231

CHỈ TIÊU	6T 2019	6T 2018
TỔNG DOANH THU	15.750.925	17.345.951
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.168.125	17.231.266
Doanh thu tài chính	534.664	109.795
Thu nhập khác	48.136	4.891
TỔNG CHI PHÍ	13.106.453	14.911.031
Giá vốn bán hàng	10.532.031	12.408.222
Chi phí tài chính	65.823	71.279
Chi phí bán hàng	2.095.713	1.962.250
Chi phí Quản lý	412.276	469.282
Chi phí khác	611	1
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	2.644.472	2.434.920
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	2.115.578	1.950.833

1. Đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Đơn vị tính: Triệu VND

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019			6T 2018	So sánh 6T 2019/2018
		Kế hoạch	Thực hiện	TH/ KH		
1	Doanh thu	36.372.000	15.750.925	43,3%	17.345.951	90,8%
2	Lợi nhuận sau thuế	4.836.000	2.115.578	43,7%	1.950.833	108,4%

- Doanh thu 6 tháng đầu năm 2019 của MobiFone là 15.751 tỷ VND, thấp hơn 2.063 tỷ và bằng 90,8% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ chỉ bằng 88,0% so với cùng kỳ năm 2018.

Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch năm 2019 của MobiFone đạt 43,3%, thấp hơn tỷ lệ thực hiện 6 tháng đầu năm 2018 trên thực hiện cả năm 2018 (46,7%).

- Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2019 của MobiFone là 2.116 tỷ VND, bằng 43,7% so với kế hoạch năm 2019, tăng 165 tỷ VND và bằng 108,4% so với cùng kỳ năm 2019.

- Theo báo cáo của MobiFone, việc tiếp tục tăng trưởng lợi nhuận trong điều kiện doanh thu đi xuống là do thực hiện các biện pháp nhằm quản lý, kiểm soát chi phí sản xuất kinh doanh, cắt giảm các khoản chi không hiệu quả... Tổng chi phí 6 tháng đầu năm 2019 là 13.106 tỷ VNĐ, giảm 1.805 tỷ tương đương 12,1% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, giá vốn bán hàng giảm 15,1%, chi phí tài chính giảm 17,7%, chi phí quản lý giảm 12,1% so với cùng kỳ năm 2018.

Từ các số liệu báo cáo tài chính cho thấy, mặc dù MobiFone đang có lãi, nhưng hoạt động sản xuất kinh doanh của MobiFone đang đi xuống, các giải pháp nhằm tạo ra doanh thu mới chưa hiệu quả, điều này ảnh hưởng đến việc phát triển bền vững của MobiFone.

2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

2.1. Về khả năng sinh lời:

Chỉ tiêu sinh lời	6T 2019	6T 2018
Tỷ suất LNST trên VCSH	10,5%	10,0%
Tỷ suất LNST trên tổng doanh thu	13,4%	11,2%
Tỷ suất LNST trên tổng tài sản	7,2%	6,4%

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của MobiFone là khả quan hơn so với cùng kỳ năm 2018.

2.2. Về khả năng thanh khoản:

Chỉ tiêu	6T 2019	6T 2018	Tăng/Giảm
Khả năng thanh toán tổng quát = Tổng TS / Nợ phải trả	3,3	2,8	+0,5
Khả năng thanh toán ngắn hạn = TS ngắn hạn / Nợ ngắn hạn	2,1	1,8	+0,3
Khả năng thanh toán nhanh = (TS NH - Hàng tồn kho) / Nợ NH	2,1	1,8	+0,3
Khả năng thanh toán lãi vay = EBIT / Lãi vay	53,8	42,5	+11,3

2.3. Về cơ cấu vốn

DVT: Triệu VNĐ

Chỉ tiêu	6T 2019		6T 2018		% tăng/giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1. Tài sản ngắn hạn	16.112.713	55,2%	17.297.194	56,8%	-1,6%
2. Tài sản dài hạn	13.068.982	44,8%	13.161.037	43,2%	+1,6%
Tổng tài sản	29.181.694		30.458.231		

Chỉ tiêu	6T 2019		6T 2018		% tăng/giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1. Nợ phải trả	8.950.095	30,7%	11.011.305	36,2%	-5,5%
- Nợ ngắn hạn	7.638.192	26,2%	9.390.596	30,8%	-4,7%%
- Nợ dài hạn	1.311.903	4,5%	1.620.709	5,3%	-0,8%%
2. Vốn chủ sở hữu	20.231.599	69,3%	19.446.926	63,8%	+5,5%
Tổng nguồn vốn	29.181.694				

Về cơ bản, cơ cấu vốn, tài sản của MobiFone là ổn định.

3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

3.1. Tình hình đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết

- MobiFone hiện có vốn đầu tư tại 03 công ty con là:

+ Công ty CP Công nghệ MobiFone toàn cầu, giá trị vốn góp 101,4 tỷ VND, tỷ lệ vốn góp: 69,4%.

+ Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone, giá trị vốn góp 22,1 tỷ VND, tỷ lệ vốn góp 31,3%

+ Công ty CP dịch vụ gia tăng MobiFone, giá trị vốn góp 102 tỷ VND, tỷ lệ vốn góp 96,23%.

MobiFone không thực hiện thay đổi tỷ lệ vốn góp tại các công ty trên trong kỳ báo cáo.

So với cùng kỳ năm 2018, lợi nhuận 3 công ty con đều tăng và không có doanh nghiệp lỗ. Tuy nhiên, tỷ lệ hoàn thành kế hoạch năm 2019 của các công ty này chưa cao. Hiện Kiểm soát viên đang thực hiện chương trình giám sát quản lý, đầu tư vốn của MobiFone vào các công ty con, công ty liên kết và sẽ có báo cáo cụ thể hơn về hoạt động của các doanh nghiệp này.

Trong 6 tháng đầu năm 2019, MobiFone đã hoàn thành thoái vốn tại TPBank. Hiện MobiFone vẫn còn 7.703 cổ phiếu tại ngân hàng SeAbank và đang nghiên cứu, xây dựng phương án thoái vốn hiệu quả báo cáo cơ quan có thẩm quyền, do dự kiến số vốn thu về sẽ thấp hơn nhiều so với chi phí bỏ ra để thoái vốn.

3.2. Tình hình đầu tư Dự án

Theo báo cáo của MobiFone:

- Giá trị khối lượng thực hiện dự án (nghiệm thu) trong kỳ là 2.464 tỷ

VNĐ, bằng 35% kế hoạch năm; trong đó các dự án nhóm B là 2.013 tỷ VNĐ, các dự án nhóm C là 451 tỷ VNĐ.

- Giá trị khối lượng giải ngân trong kỳ đạt 1.577 tỷ VNĐ bằng 21% kế hoạch năm. Trong đó, giải ngân cho các dự án nhóm B là 1.025 tỷ VNĐ, đạt 19% kế hoạch và giải ngân cho các dự án nhóm C là 552 tỷ VNĐ, đạt 24% kế hoạch.

Nhìn chung việc thực hiện đầu tư 6 tháng đầu năm 2019 của MobiFone còn chậm. Theo đánh giá của Kiểm soát viên, nguyên nhân chủ yếu đến từ việc phê duyệt kế hoạch, giao vốn đầu tư của MobiFone. Tính đến 27/6/2019, Hội đồng thành viên MobiFone mới có các quyết định giao hạn mức giải ngân kế hoạch đầu tư năm 2019, giao kế hoạch đầu tư mới và chuyển tiếp nhóm B năm 2019. Tình hình triển khai thực hiện dự án của MobiFone tương đối tốt, dự kiến năm 2019 sẽ thực hiện hoàn thành trên 8.000 trạm 4G và khả năng hoàn thành kế hoạch vốn được Ủy ban giao năm 2019.

3.3. Tình hình huy động vốn:

Trong 6 tháng đầu năm 2019, MobiFone không phát sinh nợ vay trung dài hạn mới, chỉ phát sinh thấu chi, vay ngắn hạn với tổng số tiền 1.533,6 tỷ VNĐ và trả nợ ngay khi có tiền nhận rồi, đảm bảo tiết kiệm chi phí lãi vay.

3.4. Tình hình công nợ phải thu

DVT: triệu VNĐ

Chi tiêu	6T 2019		6T 2018		% tăng/ giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
I. Các khoản phải thu ngắn hạn	1.738.701	99,9%	1.736.327	99,9%	0%
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.452.303	83,5%	1.750.978	108,8%	-17,3%
Trả trước cho người bán ngắn hạn	266.476	15,3%	134.381	7,7%	+7,6%
Phải thu ngắn hạn khác	562.265	32,3%	363.974	21,0%	+11,4%
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	- 542.491	- 31,2%	-513.006	-29,5%	-1,7%
Tài sản thiếu chờ xử lý	148	0,0%	-	0,0%	0,0%
II. Các khoản phải thu dài hạn	933	0,1%	968	0,1%	0,0%
Phải thu dài hạn khác	933	0,1%	968	0,1%	0,0%
Tổng nợ phải thu (= I + II)	1.739.634		1.737.295		

3.5. Tình hình công nợ phải trả

DVT: lần

	6T 2019	6T 2018	tăng/giảm
Hệ số nợ phải trả trên VCSH	0,44	0,57	-0,12

7/5

Hệ số nợ vay trên VCSH	0,05	0,08	-0,02
Hệ số nợ vay dài hạn trên VCSH	0,01	0,03	-0,02

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

4.1. Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế, về chính sách tiền lương và các chính sách khác:

Theo báo cáo, MobiFone đã chấp hành quy định về chế độ, chính sách; chưa bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về chính sách thuế, về chính sách tiền lương, chế độ báo cáo tài chính, báo cáo giám sát tài chính và báo cáo khác.

4.2. Tình hình thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách

DVT: triệu VND

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp đầu kỳ	Trong kỳ		Số phải nộp cuối kỳ
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	62.908	506.524	473.584	95.849
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	0	70.840	70.840	0
Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	0	0	0
Thuế xuất, nhập khẩu	0	338	338	0
Thuế thu nhập doanh nghiệp	407.431	528.894	757.431	178.894
Thuế thu nhập cá nhân	7.603	69.497	76.372	728
Thuế tài nguyên	0	0	0	0
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	0	3.124	2.641	483
Các loại thuế khác	3.751	36.576	29.276	11.052
- Thuế bảo vệ môi trường	0	0	0	0
- Thuế nhà thầu	3.751	35.823	28.523	11.052
- Thuế môn bài	0	753	753	0
- Các khoản khác	0	0	0	0
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.275.789	1.331.265	2.161.142	445.912
- Lợi nhuận còn lại nộp về NSNN	1.259.294	1.330.904	2.144.294	445.904
- Phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	16.495	361	16.848	8
Tổng cộng	1.757.482	2.547.060	3.571.624	732.918

5. Tình hình thực hiện các kiến nghị trước đó của Chủ sở hữu/Kiểm soát viên/Kiểm toán Thanh tra/cơ quan quản lý tài chính doanh nghiệp

Theo báo cáo của MobiFone, hiện MobiFone vẫn đang tiếp tục triển khai các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước theo ý kiến tại văn bản số 346/KTNN-CNVI ngày 9/5/2019.

II. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

Trên cơ sở báo cáo giám sát tài chính nêu trên, Kiểm soát viên kiêm nghị Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp chỉ đạo MobiFone:

- Tiếp tục phấn đấu đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2019 mà Ủy ban đã phê duyệt. Trong đó, có giải pháp đầu tư hiệu quả cho các sản phẩm, dịch vụ mới, nhằm tạo doanh thu và lợi nhuận bù đắp cho việc suy giảm lợi nhuận của dịch vụ viễn thông truyền thống.

- Đẩy mạnh hoạt động đầu tư, đặc biệt là đầu tư 4G, thu hẹp khoảng cách về hạ tầng viễn thông với các nhà mạng khác.

- Thực hiện rà soát, sửa đổi Điều lệ, Quy chế tài chính và các quy chế nội bộ khác, đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2020; kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm 2021 – 2025 trình Ủy ban xem xét, phê duyệt.

Phân loại doanh nghiệp

- | | |
|----------------------------|---|
| - An toàn về tài chính | X |
| - Mất an toàn về tài chính | |

Trên đây là Báo cáo của Kiểm soát viên MobiFone. Kính đề nghị Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp xem xét, cho ý kiến chỉ đạo./.

KIỂM SOÁT VIÊN

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng công ty Viễn thông MobiFone;
- Vụ CN&HT - Ủy ban QLVNN;
- Vụ PC&KSNB - Ủy ban QLVNN;
- Lưu: VT, KSV.



Phạm Duy Yên